

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-ST
Ngày: 28/10/2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự kiện đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vương Tuyên
2. Bà Triệu Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-DS ngày 11/3/2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự kiện đòi lại tài sản, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-DS ngày 11/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-DS ngày 29/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà K sinh năm 1971; trú tại: Số 157/A, thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị T sinh năm 1962; trú tại: Số 82, thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà K có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K: Do bà quen biết với bà Mai Thị T và cùng là hàng xóm nên từ năm 2012 bà T đã nhiều lần đến nhà bà để vay số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng chưa làm giấy tờ. Cũng trong năm 2012 bà T có chơi với bà hai dây huê (hộ), mỗi dây huê 1.000.000 đồng theo huê tháng và bà đã đóng huê chết cho bà T tổng cộng là 20.000.000 đồng. Trong năm 2013 bà T có mượn bà 02 chỉ vàng 9999 quy ra tiền là 9.600.000 đồng. Đến ngày 27/8/2017, bà T có sang nhà bà mượn thêm 40 thùng lúa non quy ra tiền là

3.360.000 đồng; nhân dịp này hai bên đã chốt nợ, bà Mai Thị T và bà ký vào giấy chốt nợ ghi ngày 27/8/2017.

Do bà đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà T không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền vay 20.000.000 đồng, tiền huê 20.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999 quy ra tiền 9.600.000 đồng và 40 thùng lúa non quy ra tiền 3.360.000 đồng. Tổng cộng là 52.960.000 đồng. Tại phiên công bố chứng cứ hòa giải bà thay đổi yêu cầu, bà không yêu cầu bà T trả tiền 40 thùng lúa non quy ra tiền là 3.360.000 đồng nữa. Bà chỉ yêu cầu bà T trả cho bà số tiền tổng cộng là 49.600.000 đồng, bà không yêu cầu tiền lãi.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

- *Ý kiến của bị đơn bà Mai Thị T:* Bị đơn Mai Thị T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn được biết. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn không đến nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không tới Tòa án làm việc là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phương, buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn bà K số tiền 49.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự kiện đòi lại tài sản giữa nguyên đơn bà K với bị đơn bà Mai Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

2.1. Bà Phương khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị T trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 20.000.000 đồng, tiền huê (họ) 20.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999 quy ra tiền 9.600.000 đồng (giá vàng tính tại thời điểm Tòa án thụ lý là 4.800.000 đồng/chỉ) và 40 thùng lúa non quy ra tiền 3.360.000 đồng, tổng cộng là 52.960.000 đồng. Tại phiên công bố chứng cứ hòa giải, cũng như tại phiên tòa bà T xác định bà không yêu cầu bà T trả tiền 40 thùng lúa non quy ra tiền là 3.360.000 đồng. Tổng số tiền bà yêu cầu bà T trả là 49.600.000 đồng, bà không yêu cầu tiền lãi. Kèm theo yêu cầu khởi kiện bà Phương nộp bản chính Giấy vay tiền ngày 27/8/2017 nội dung bà T vay của bà K số tiền 20.000.000 đồng, nợ tiền huê là 20.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999, giấy này có chữ ký của bà T.

Đối với bị đơn bà T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không đến cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án cũng đã Thông báo cho bị đơn toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như niêm yết giấy vay tiền ngày 27/8/2017 cho bị đơn bà T được biết nhưng bà T vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của cũng như tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Do đó, việc bà K khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà tiền vay 20.000.000 đồng, tiền huê 20.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999 quy ra tiền 9.600.000 đồng, tổng cộng là 49.600.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.2. Đối với việc bà K khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà K 40 thùng lúa non quy ra tiền là 3.360.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà K cũng xác định rút đối với yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy, việc bà K rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn: 49.600.000 đồng x 5% = 2.480.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K với bị đơn bà Mai Thị T về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự kiện đòi lại tài sản.

Buộc bà Mai Thị T phải trả cho bà K số tiền vay 20.000.000 đồng, tiền huê (họ) 20.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999 quy ra tiền 9.600.000 đồng, tổng cộng là 49.600.000 đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu bà Mai Thị T trả cho bà K 40 thùng lúa non quy ra tiền là 3.360.000 đồng.

3. Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn bà K số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp 1.324.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019961 ngày 11/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.480.000 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: HS, AV.

Lê Thị Phụng Diễm